

CÁCH SỬ DỤNG ĐẠI TỪ NHÂN XUNG QUA LỜI THOẠI NHÂN VẬT TRONG TIỂU THUYẾT CỦA CHU LAI

THE WAY USING PERSONAL PRONOUNS THROUGH SAYING WORDS
OF CHARACTERS IN NOVEL OF CHU LAI

NGUYỄN THỊ THÁI
(ThS-NCS; Đại học Vinh)

Abstract: Dramatis personae language feature written in papers centralized to fathom from expression flatness in personal pronoun in novel of Chu Lai. Along with the use from wealths class calculated denotatively another create novelist's novel language donation closely With veritable life, , innately, movingly, carving is really extra art and value contents character of contributory dramatis personae created is spanking for writing.

Key words: Chu Lai; personal pronoun; multiplies stuff; dialogue.

1. Có thể nói, tác phẩm văn học là sản phẩm của nghệ thuật ngôn từ. Từ ngữ tham gia vào trong giao tiếp hàng ngày cũng như trong tác phẩm văn học với nhiều đặc điểm về nguồn gốc, cấu tạo, ngữ nghĩa, phong cách, chức năng ... hết sức phong phú và đa dạng. Tìm hiểu từ ngữ trong tác phẩm văn học trước hết phải xem xét tính đối tượng, mục đích của việc nghiên cứu, sau đó là xác định cơ sở lựa chọn đơn vị phù hợp đối tượng để làm rõ được nội dung mà tác giả muốn thể hiện. Tìm hiểu phân tích các lớp từ ngữ dựa vào các căn cứ này có thể giúp phát hiện ra đặc điểm ngôn ngữ nhân vật, ngôn ngữ của tác phẩm và qua đó là phong cách của nhà văn trong việc phản ánh đời sống xã hội trong những hoàn cảnh lịch sử nhất định. Đó là tiền đề cũng là định hướng để chúng tôi tìm hiểu đặc điểm ngôn ngữ nhân vật từ bình diện từ ngữ ở lớp đại từ nhân xưng trong tiểu thuyết của nhà văn Chu Lai.

Thế giới nhân vật trong tiểu thuyết của Chu Lai khá đa dạng, phong phú gần như là một bức tranh xã hội thu nhỏ với đủ các đặc điểm: về giới tính (nam /nữ), về thành phần xuất thân (bộ đội, công nhân, trí thức), về cương vị xã hội (thủ trưởng, giám đốc, lính, người làm thuê), về thái độ (trân trọng, yêu thương, căm ghét), về đạo đức (tốt, xấu, chân thành, xảo trá), về quan hệ (đồng chí, bạn bè, người yêu, kẻ thù), v.v. Hoàn cảnh của các nhân vật hoạt động cũng khá là rộng với thời gian trong chiến tranh và sau chiến tranh (hoà bình); không gian mà nhà văn miêu tả, trần thuật cho các nhân vật hoạt động là chiến trường, công trường, nông trường, trong đời thường.

2. Xưng hô là một tập quán và là biểu hiện của văn hoá ứng xử, qua cách xưng hô người ta có thể nhận biết thái độ, tình cảm, quan hệ của những người người đối thoại. Trong giao tiếp nói chung, giao tiếp bằng tiếng Việt nói riêng, người ta huy

động một số lượng khá lớn các từ để xưng hô và giao tiếp cũng đòi hỏi người ta phải biết cách lựa chọn từ xưng hô thích hợp. Trong tác phẩm văn học, hệ thống từ xưng hô phong phú là một “lợi thế” để các tác giả thể hiện khả năng vận dụng và sáng tạo của mình vào tác phẩm. Việc vận dụng thế nào là tùy vào cá nhân và các nhân vật (tính cách, tuổi tác, trình độ, tình cảm...) gắn với hoàn cảnh giao tiếp của từng đối tượng. Khi giao tiếp, người ta có thể dùng từ xưng hô hoặc có thể không (nói trống). Khảo sát lời thoại giữa các nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai, tỉ lệ lời thoại dùng từ xưng hô (22171 lần chiếm tỉ lệ 98,1%) cao hơn hẳn lời thoại không dùng từ xưng hô (423 lần chiếm tỉ lệ 1,8%).

Từ xưng hô là lớp từ thông dụng, được sử dụng khi thực hiện hành vi giao tiếp ngôn ngữ. Ngoài chức năng xưng - hô, nhóm từ này còn có các chức năng khác, bởi khi dùng chúng trong giao tiếp các từ này đã “mặc nhiên” bộc lộ các ý nghĩa, các thông tin nào đó mà không cần các yếu tố phụ trợ khác (thông tin tiền giả định). Chẳng hạn, trong *Ấn mảy dĩ vãng* chỉ một câu thoại ngắn “- *Ba Suong!*” đã có thể cho ta nhiều thông tin về các nhân vật (người nói / người nghe) trong cuộc giao tiếp. Các thông tin đó có thể là: 1) Từ hô gọi (Ba Suong): gọi tên riêng, ngôi 2, số ít; 2) Vị thế: ngang bằng nhau; 3) Mối quan hệ: thân mật, tình cảm; 4) Mục đích: chào hỏi, biểu cảm. Lời thoại chỉ với một từ hô gọi như thế đã có thể bộc lộ nhiều thông tin ta có thể suy ra mà chưa cần xem xét nó trong ngữ cảnh của cuộc thoại. Qua những thông tin thể hiện qua ví dụ trên, có thể thấy rõ rằng từ xưng hô còn có chức năng *biểu thị vị thế và tình thái* của các nhân vật tham gia giao tiếp.

Từ xưng hô qua lời thoại của nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai rất phong phú. Với mục đích xác định ngôi giao tiếp cho các nhân vật, nhà văn đã có những thay đổi linh hoạt trong sử dụng ngôi nhân vật. Khảo sát tiểu thuyết Chu Lai, trong tổng số lời thoại nhân vật có dùng các từ xưng hô là 22171 lần thì đại từ nhân xưng là 8820 lần, chiếm 39,7%, các từ xưng hô khác là 13351 lần, chiếm 60,2%.

Để làm rõ vai trò của đại từ nhân xưng thể hiện qua ngôn ngữ nhân vật trong tiểu thuyết của Chu Lai, chúng tôi thống kê số lượng và tần số sử dụng. Số liệu thống kê cho thấy trong số các từ xưng hô được dùng trong lời thoại nhân vật:

- Đại từ nhân xưng ngôi 1 là 5107 lần chiếm 57,9%, trong đó đại từ nhân xưng ngôi thứ 1, số ít được dùng nhiều nhất với 4.113 lượt dùng chiếm 46,6%; những từ xuất hiện nhiều nhất của nhóm này là: *tôi, tao, tớ*... Ngôi 1, số nhiều là 994 lần chiếm 11,2%, gồm các từ: *chúng ta, bọn tao*...

- Đại từ nhân xưng ngôi thứ 2 là 1305 lần chiếm 14,7%, trong đó đại từ nhân xưng ngôi thứ 2, số ít xuất hiện nhiều trong lời thoại nhân vật với 1.179 lần, chiếm tỉ lệ 13,3%, từ xuất hiện nhiều nhất trong loại từ này là: *mày*; số nhiều là 206 lần chiếm 2,3%, gồm những từ: *chúng mày, bọn mày*...

- Đại từ nhân xưng ngôi thứ 3 là 2.328 lần chiếm 26,3%, trong đó đại từ nhân xưng ngôi thứ ba, số ít là: 1846 lần, chiếm 20,9%, gồm các từ: *nó, hắn, gã, thằng*; đại từ nhân xưng số nhiều là 482 lần, chiếm 5,4%, gồm các từ: *chúng nó, bọn chúng, bọn hắn*.

Khảo sát lời thoại các nhân vật cho thấy, cách dùng từ xưng hô nói chung, dùng đại từ nói riêng đã thể hiện khá rõ các thông tin liên quan giữa các nhân vật. Các thông tin đó bao gồm: vị thế, thứ bậc (cao thấp, ngang hàng), quan hệ (gia đình, xã hội) và tình thái (trang trọng, bình thường, thân mật, coi thường) giữa những người đối thoại.

Mỗi từ và nhóm đại từ nhân xưng đều có chức năng vai trò tự thân (xưng hô, thể hiện các thông tin), tuy nhiên khi ở trong các ngữ cảnh giao tiếp (hành chức trong tiểu thuyết của Chu Lai) về cơ bản chúng vẫn thể hiện các vai trò chức năng tự thân nhưng linh hoạt phong phú trong các ngữ cảnh, nhất là vai trò biểu thị tình thái. Sau đây, chúng tôi nêu các ngữ cảnh, phân tích vai trò biểu thị tình thái của đại từ nhân xưng trong các lời thoại nhân vật thể hiện như thế nào.

* **Đại từ nhân xưng biểu thị thái độ thân tình.** Ví dụ:

Ví dụ 1: “- *Tao nghe nói nó chưa chết? Chết chó nào được! Mổ xẻ, vá vúi cho nó xong, tao*

chắc chắn rằng nhất định nó sẽ nghèo củ tỏi trên đường chuyển về phía sau, chín miếng đạn, toàn vào chỗ phạm chứ ít ỏi gì, vậy mà mấy tháng sau đã lại nghe nói nó đang vô đàn bà con gái ở trên rừng già rồi. Chỉ tội nghiệp cho Hai Hợi..." [4, tr.115].

Qua cách xưng hô của hai nhân vật trong đoạn hội thoại trên, đại từ nhân xưng *tao* được sử dụng đã cho biết mối quan hệ giao tiếp của họ. Đây là quan hệ thân tình giữa hai người bạn thân từng vào sinh ra tử trong chiến tranh và bây giờ họ lại gặp lại nhau trong cuộc sống đời thường để ôn lại những kỷ niệm một thời và những lo toan, trăn trở của cuộc sống hiện tại.

Ví dụ 2: "- Dòm cái bộ dạng mày lúc này là biết **mày** đang đói rồi. Đói ăn đói uống còn đỡ, thằng đàn ông đói cái khoản này nhìn bệ rạc lắm!

...- Con khếch!... - Tôi nghe rõ tiếng nó thở ra, nặng và sâu - Ngày xưa bom đạn chết chóc nhường ấy mà thịt da **mày** vẫn săn se, thân thể tròng trọc nặng 65 ki - lô, vậy mà hòa bình mới có mười năm, người ngòm **mày** đã hủ hổng đi như thế! Hủ từ trong ra ngoài. Khốn nạn cho **mày**, thằng chỉ huy trình sát đặc nhiệm quân giải phóng ời!

... - Sao lại không nhắc - Hẳn như gằm lên - **Mày** mắc cỡ à? **Mày** nhục à? Cuộc sống bây giờ tuy khốn nạn thật nhưng thử đũa nào xúc phạm đến những chữ ấy coi. **Tao** bắn bỏ liền.

...- **Mày** có bỏ ngay cái kiểu cười ấy đi không! Tưởng **tao** thích cái trò dĩ điểm ấy lắm hả? Còn lâu. Đời thiếu gì gái góa chết chồng hay gái non chán đời? **Tao** biết **mày** đang nghĩ đến con nhỏ Sương, đang ám ảnh khổ sở vì nó nên **tao** nói vậy cốt cho **mày** nổi khùng mà quên phứt nó đi. Hiểu chưa, khom già? Tuy nhiên **mày** cũng nên sớm có lại một con đàn bà đi. Đàn bà cỡ gì cũng được, miễn là đàn bà. Bởi lẽ với một cái đầu bệnh hoạn như của **mày**, chỉ có một con đàn bà mới có thể làm quên được một con đàn bà. **Tao** nói thế này vì... *tao* cũng đã trải qua hoàn cảnh như **mày**, có khi còn thê thiết hơn" [4, tr.117].

Ngôn ngữ hội thoại của nhân vật sử dụng đại từ nhân xưng *mày* với tần xuất khá dày. Câu

chuyện tâm sự đến tận đêm khuya của hai người bạn chung một trận tuyến. Những ngang trái, những đau đớn dồn nén được đã bộc lộ qua lời thoại sau bao nhiêu mất mát vì chiến tranh mà họ đã trải qua. Ba Thành như dồn hết cả những ám ức của mình và của bạn trong câu nói. Từ xưng hô *mày - tao* giữa họ với nhau có sự thân tình, đồng cảm, có cả sự thân mật đến suồng sã, nhưng có thể hiểu được vì họ từng là người lính với nhau, đã nếm trải đủ mùi gian khổ, sống chết cùng chia sẻ nên họ bộc lộ tất cả tình thái trong lời nói một cách tự nhiên mà không phải ý tứ, giữ gìn gì.

* **Đại từ nhân xưng biểu thị thái độ coi thường:** Cặp đại từ xưng hô *tao - mày* không chỉ biểu thị sự thân mật, suồng sã giữa các nhân vật giao tiếp mà trong những tình huống giao tiếp nhất định chúng lại biểu thị tình thái khác. So sánh:

(a) - Tha thứ cho bọn **tao** nhé, Bảo ơi!... Bọn **tao** không còn cách nào khác... Không còn phương tiện nào khác. Bọn **tao** không nở nhìn **mày** chết trên đường cẳng đi phẩu. Xa lắm... muốn **mày** chết ở đây, giữa bạn bè. Hãy tha thứ... Hãy nhắm mắt lại cho bọn **tao** đỡ khổ... Được không? [4, tr.80].

(b) - Thôi đi! Đừng ai nói gì nữa hết! - Linh đột ngột quay lại hét lên, mắt bạc phéch - Chỉ cần như vậy cũng đủ để không chịu nổi nữa rồi - Anh đi tới trước mặt Hòe, giọng rín rít trong khi tên này vô tình đưa tay lên mặt che đỡ - Xéo ngay! Xéo ngay và đừng bao giờ để **tao** phải thấy lại cái mặt **mày** nữa. Xéo! Không, thề có trời đất, **tao** sẽ quăng **mày** từ trên sân thượng xuống mặt đường như quăng một con chó bây giờ. Xéo! [5, tr.346].

Ở hai đoạn thoại trên, nhân vật đều dùng ngôn ngữ xưng hô *mày-tao*, nhưng ý nghĩa biểu thị của cách xưng hô lại khác nhau. Ở ví dụ (a) là lời của nhân vật Hai Hùng nói với Bảo - người đồng đội giữa chiến hào ác liệt. Lời thoại nói chung, từ xưng hô *mày - tao* nói riêng thể hiện sự thân tình nhưng xót thương, day dứt và đau đớn đến tận cùng khi phải bỏ lại người đồng đội bị thương nặng mà không có cách nào cứu được.

Ở ví dụ (b) là lời thoại của Linh nói với Hòe - nhân vật từng là người lính cùng chiến hào trong chiến tranh nhưng nay khi trở về thời bình lại biến thành kẻ sâu mọt, tráo trở, cường hào áp bức những người dân vô tội. Lời thoại nhân vật Linh thẳng thắn, vạch mặt kẻ phản bội, kẻ bôi nhọ hình ảnh và danh dự người lính trở về sau chiến tranh mà họ đã cùng thề nguyện trước đây. Có thể nói, cách xưng hô trong lời thoại như trên là phù hợp với tính cách của các nhân vật người lính: bộc trực, thẳng thắn, bày tỏ thái độ yêu ghét dứt khoát, rõ ràng.

*** Đại từ nhân xưng biểu thị tình thái trung hòa:** Trong tình huống giao tiếp khác, tác giả lại để cho các nhân vật giao tiếp bộc lộ tình thái trung hòa, có phần khách khí và lạnh nhạt khi sử dụng từ xưng hô *tôi*. Ví dụ:

- Ông kì quá! Ông làm như *tôi* và ông đang sống trong một tích tuồng cái lương mùi mẫn không bằng. Mời ông hút thuốc đi, cứ hút rồi nhìn gì thì nhìn. Nhìn kĩ coi *tôi* có phải con gái ộp hay một nhân viên tình báo, một nữ phản gián có hạng không?

...- Thôi đi! - Bất ngờ người đàn bà hát mặt lên đầy quyền uy và khắc nghiệt - Sau một ngày làm việc mệt nhọc, lúc này *tôi* đang cần nghỉ ngơi. Xin lỗi! *Tôi* không đủ thì giờ để ngồi nghe những lời nói rõ đại, ngớ ngẩn của ông. Mà thực chất ông là ai nhỉ? Ông nhân danh ai, nhân danh cái gì để cho mình được cái quyền đến đây hạch sách *tôi*? Cơ quan sắp đến giờ đóng cửa, ông nên đi xuống kéo nhân viên bảo vệ họ lên lại phiền. Mời ông! [4, tr.235].

Thái độ của nhân vật, con người nhân vật hoàn toàn phù hợp với từ xưng hô *tôi*. Ranh giới giữa hai nhân vật được xây dựng nên bằng một “bức tường” ngôn từ mang tính trung hoà, thậm chí có phần xa cách, lạnh nhạt. Nhân vật Ba Sương trong tác phẩm từng là người yêu của ông, nhưng sau bao năm họ gặp lại nhau, bà đã dùng những từ ngữ không mấy thân thiện, pha chút mỉa mai, khinh miệt để che giấu cái chào nhẹ, rùng mình khi đứng trước người đàn ông từng là người yêu mình năm xưa. Trong tình

huống này, từ xưng hô đã thể hiện quan hệ tình cảm, thái độ của các nhân vật trong giao tiếp.

Trong giao tiếp, bên cạnh các nhân vật giao tiếp trực tiếp giữa người nói (ngôi 1) và người nghe (ngôi 2), còn có thể có những từ xưng hô liên quan đến ngôi 3 là nhân vật không trực tiếp xuất hiện trong cuộc thoại, nhưng lại liên quan đến cuộc thoại. Tình thái giữa các nhân vật sẽ được bộc lộ khá rõ trong cuộc thoại qua cách dùng từ xưng hô, nhưng không đơn giản một chiều (thân tình, trung hòa, coi thường...) mà đôi khi lại đan xen nhiều tình thái phức tạp. Điều này được thể hiện trong một số lời thoại giữa các nhân vật trong tác phẩm của Chu Lai.

Trong *Án mây dĩ vãng*, nhân vật Ba Sương đi tìm lại chính mình trong hiện tại đã cay đắng nhận ra sự thật về những người mà cô đã từng biết trước đó. Ví dụ:

“- *Người ta* là ai?... Chẳng lẽ lại là cái *gã* trung úy đồ tể ngồi chung xe với chị dạo nọ? Cái *gã* đã...

- Thì ra anh cũng biết *hắn*?... Trời! Thôi, cũng chả sao. Rồi tất cả mọi điều sẽ được biết hết. Nhưng riêng lần này thì không phải là *hắn*. Đóng hơn *hắn*, khủng khiếp hơn *hắn* nhiều. Họ là...” [4, tr.323].

Các đại từ *gã*, *hắn*, *người ta* trong lời thoại là thuộc ngôi thứ 3, nhân vật vắng mặt nhưng có liên quan đến nội dung giao tiếp. Ở trong ngữ cảnh này, Ba Sương muốn nhắc đến nhân vật Dịch, một kẻ gây tội ác khủng khiếp trong chiến tranh nhưng khi hòa bình lại khôn khéo và xảo trá núp bóng người khác để làm người “lương thiện”.

Trong *Ba lần và một lần* cũng có những đoạn thoại mà các nhân vật giao tiếp nhắc đến nhân vật thứ ba bằng các từ *nó*, *hắn*. Việc dùng từ hô gọi như thế, cùng với sự phù trợ của các ngôn từ khác trong lời thoại, đã thể hiện sự khinh bỉ và căm hận của người nói:

“- *Quản đốc người Hàn?* – Đến lượt anh tròn mắt kinh ngạc - *Sao nó lại đánh? Sao có thể dám đánh?*

- *Tụi em làm lỗi ít mét vải do mệt quá... thiếu ngủ quá! Nó đánh cả tổ. Đánh bằng dép... Cút mất nó nện...*

- *Thế tụi em chịu cho nó nện à? Đứng im à? Hả?...?*

- *... Nhưng sao? Đánh chứ? Dạy cho nó bài học nữa chứ? – Anh hỏi lại có vẻ sốt ruột.*

- *... **Hắn** đi tới...*

- ***Hắn** nào? **Hắn** là ai? ” [5, tr.278].*

Ở câu thoại đầu, ta thấy có sự thay đổi trong cách gọi *quản đốc người Hàn* bằng nó. Với cách thay đổi đột ngột này khiến ta hiểu thái độ của người nói (và cũng là của tác giả): sự phẫn nộ của *tụi em* - những người công nhân khi bị chà đạp về danh dự, nhân phẩm bởi một tay *quản đốc* ngoại quốc. Và oái oăm thay kẻ tiếp tay cho những hành động khinh miệt người Việt Nam lại chính là một người Việt Nam, một người lính từng tham gia chiến tranh giải phóng dân tộc. Trong đoạn thoại tiếp theo, nhân vật *hắn* xuất hiện bằng giọng nói ráo hoảnh và vô tình:

“- *Rút kinh nghiệm nhen, các cô. Người ta làm ăn theo kiểu công nghiệp hiện đại đã quen, các cô lại quá tùy tiện, vẫn cái thói nông dân manh mún, cái thói được chảnh hay chớ, làm giả ăn thật, nên chẳng qua người ta xót ruột, người ta thiếu kiềm chế một chút thôi. Xét cho cùng cũng là tại mình, các cô nên bảo ban nhau mà làm ăn cho nghiêm ngặt đừng để xảy ra những chuyện không đẹp như thế này nữa khiến chúng tôi buộc phải có thái độ” [5, tr.280].*

Hắn ở đây chỉ Năm Thành. *Hắn* có vẻ bề ngoài nhã nhặn và lịch thiệp; cùng với sự rộng rãi trong việc làm từ thiện, *hắn* đã trở thành điển hình của một doanh nhân thành đạt, tiêu biểu của cơ chế thị trường. Người ta tung hô *hắn*, ngưỡng mộ *hắn*, nhưng thực ra, bên trong con người này là sự xảo trá mưu mô. Cách giao tiếp của *hắn* với công nhân tạo sự gần gũi, thân mật như người trong một nhà bằng từ *mình*. Đứng trước sự xúc phạm nhân phẩm vượt quốc gia như vậy, nhưng *hắn* vẫn nhẹ nhàng vỗ về gọi kẻ xúc phạm kia bằng *người ta*. Và “nguy hiểm” hơn nữa, trong lời thoại của nhân vật này, ta thấy có sự ma mãnh của một kẻ cơ hội nhưng rất hoạt ngôn:

khi thì *hắn* đẩy bản thân đứng cùng với người bị hại bằng từ *mình* để tranh thủ sự đồng lòng, mặt khác *hắn* cũng thể hiện thái độ dọa dẫm chính những người người mà *hắn* vừa đứng cùng ấy bằng từ *chúng tôi*. Qua các xưng hô của Năm Thành, ta thấy rõ bản chất xảo quyệt của *hắn*.

Xuyên suốt trong các tiểu thuyết được khảo sát của Chu Lai, chúng tôi thấy một đặc điểm chung là các đại từ nhân xưng được sử dụng trong lời thoại nhân vật phụ thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh giao tiếp. Do đó, các từ xưng hô (như *mày- tao, ông - tôi...*) có thể mang sắc thái khác nhau. Trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, các nhân vật của Chu Lai thường xưng hô *mày - tao* thể hiện sự gắn bó thân thiết, ngang hàng nhưng trong hoàn cảnh thời bình, ở một số tình huống, cách xưng hô đó lại mang một sắc thái khác, nó hàm chứa thái độ coi thường, căm ghét của người nói (như các dẫn chứng đã nêu ở trên). Điều đó cho thấy việc dùng từ xưng hô của nhân vật có liên quan đến ngữ cảnh, đến mối quan hệ giữa các nhân vật trong ngữ cảnh ấy.

3. Như vậy, có thể thấy, các từ xưng hô không chỉ đơn thuần dùng để gọi hoặc xưng để thể hiện rõ sự phân biệt tuổi tác, giới tính, vị thế xã hội, quan hệ giữa những người tham gia giao tiếp mà còn thể hiện thái độ, tình cảm, cách đánh giá của người nói đối với nhân vật giao tiếp hoặc người được nói tới. Cách dùng từ xưng hô cũng không tùy tiện mà theo những quy ước nhất định

Qua việc tìm hiểu và phân tích các lớp từ nhân xưng trên, có thể thấy: ngôn ngữ nhân vật qua lời thoại trong tác phẩm của Chu Lai là thứ ngôn ngữ rất gần với lời nói thường ngày trong giao tiếp khẩu ngữ, nhưng đây cũng là lớp ngôn từ rất “đắt” và ấn tượng, được nhà văn chọn lọc một cách công phu, đưa vào lời nhân vật hợp lí, góp phần làm nên thành công của tác phẩm và khẳng định phong cách của nhà văn.

Hệ thống từ xưng hô của ngôn ngữ nhân vật trong tiểu thuyết Chu Lai không chỉ dùng các đại từ nhân xưng mà còn sử dụng các từ xưng hô khác. Cách sử dụng đại từ nhân xưng như vừa phân tích, cùng với việc sử dụng các lớp từ giao

tính biểu cảm khác đã làm cho ngôn ngữ trong tác phẩm của nhà văn Chu Lai gần gũi với đời thực, tự nhiên, sống động, khắc họa rõ thêm tính cách của nhân vật góp phần làm nên giá trị nội dung và nghệ thuật đặc sắc cho tác phẩm.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Diệp Quang Ban (cb), Hoàng Văn Thung (1996), *Ngữ pháp tiếng Việt* (Tập 1 &2), Nxb Giáo dục, H.

2. Đỗ Hữu Châu (1999), *Các bình diện từ và từ tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia, H.

3. Chu Lai (1994), *Ấn mào dĩ vãng*, Nxb Hội nhà văn, H.

4. Chu Lai (2000), *Ba lần và một lần*, Nxb Quân đội nhân dân, H.

5. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb Giáo dục, H.

6. Cù Đình Tú (2001), *Phong cách học và đặc điểm từ vựng tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, H.

7. Nguyễn Văn Khang (2012), *Ngôn ngữ học xã hội*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 18-09-2014)